

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/HN-ST

Ngày: 29-12-2025

V/v tranh chấp ly hôn
giữa bà M và ông M1"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

2. Bà Ngô Hồng Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Tây Ninh.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc M1, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã L, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc Minh C sống từ năm 2003 đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2004 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Bà và ông M1 chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M1 không lo làm ăn và thường hay la mắng vợ con. Bà đã cho nhiều cơ hội nhưng bản thân ông M1 không thay đổi. Bà và ông M1 đã sống ly thân khoảng 6-7 năm nay nhưng cả hai bên đều không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, hiện tại tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M1.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2004 và Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 17/12/2011. Hiện tại Nguyễn Ngọc H đã trưởng

thành nên bà M không yêu cầu giải quyết. Cháu Â đang do bà M nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Â, không yêu cầu ông M1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Ngọc M1 trình bày:

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Tuyết M vì ông còn tình cảm với bà M và từ trước đến nay hai vợ chồng không có gì mâu thuẫn.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2004 và Nguyễn Ngọc Hoàng Â, sinh ngày 17/12/2011. Hiện tại Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành nên ông M1 không yêu cầu giải quyết. Nếu Tòa án chấp nhận ly hôn thì ông đồng cho bà M được tiếp tục nuôi cháu Â, ông không cấp dưỡng nuôi con. Do bận công việc nên ông xin được vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về chia tài sản: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M1. Ông M1 có nơi cư trú tại ấp E, xã L, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh, được pháp luật quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự có mặt của đương sự: bị đơn ông Nguyễn Ngọc M1 đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc Minh C sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà M nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông M1 không lo làm ăn và thường hay la mắng vợ con. Bà và ông M1 đã sống ly thân khoảng 6-7 năm nay, hiện tại bà không còn tình cảm với ông M1 nên yêu cầu được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: ông M1 cho rằng không đồng ý ly hôn với bà M vì ông còn tình cảm với bà M và từ trước đến nay hai vợ chồng không có gì mâu thuẫn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Ngọc M1

không đến Tòa án theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án để có cơ hội trình bày và hàn gắn với bà M. Ông M1 cũng không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn, bà M cương quyết ly hôn vì cho rằng đã cho ông M1 nhiều cơ hội nhưng bản thân không thay đổi. Bà M và ông M1 đã sống ly thân khoảng 6-7 năm nay, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà M và ông M1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà M yêu cầu được ly hôn với ông M1 là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết M.

[3.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2004 và Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 17/12/2011. Hiện tại Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, bà M đang nuôi dưỡng cháu A và cháu A có nguyện vọng được sống cùng mẹ; bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, ông M1 đồng ý nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A của bà Trần Thị Tuyết M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Tuyết M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về chia tài sản chung: không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: không có.

[3.5] Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[3.6] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M về việc “Ly hôn” với ông Nguyễn Ngọc M1.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết M được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M1.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2004 và Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 17/12/2011. Hiện tại Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành nên bà M và ông M1 không yêu cầu giải quyết. Bà M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hoàng A, ông M1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc Minh xác Đ không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc Minh xác Đ không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã nộp theo biên lai thu số 0009620 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung